Simple Present Tense

Thì Hiện tại Đơn diễn đạt:

1. Hành động chung chung, tổng quát, lặp đi lặp lại nhiều lần, hoặc thói quen

I go to school at 7 o'clock every day.

My brother plays Roblox at night.

2. Sự thật hiển nhiên

He's a boy.

Ice cream is cold.

3. Ý kiến

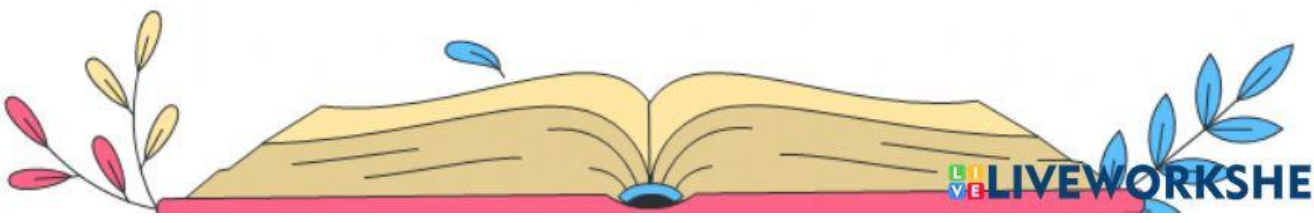
My mother likes cats.

I don't love you!

4. Lịch trình cố định

The film Dung Noi Khi Yeu starts at 9.30 PM on VTV3.

Our game ends in 10 minutes.



LIVEWORKSHEETS